

Bản án số: 23/2017/DSST

Ngày: 10/10/2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay T sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Hồ Thị H Hạnh

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay
T sản” thụ lý số: 109/2017/ DSST ngày 03 tháng 7 năm 2017, theo quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 109 /2017/QĐST - DS ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 251, khu phố Phước Vĩnh, T.tr B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình
Phước.

- Bị đơn: Ông Võ Minh P; sinh năm: 1965(có mặt)

Bà Bùi Thị M; sinh năm: 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức T; sinh năm
1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 251, khu phố Phước Vĩnh, T.tr B, T.x Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày: Trong năm 2013 không nhớ ngày tháng cụ thể bà H có cho vợ chồng ông P, bà M vay số tiền là 570.000.000đ, không viết giấy tờ vay, hai bên thỏa thuận miệng vay không thời hạn, khi nào bà H cần thì trả, lãi suất 3%/ tháng. Đến năm 2015 bà H có yêu cầu bà M, ông P trả khoản nợ này nhưng

do cây cà phê bị mất mùa nên bà M ông P hứa đến mùa cà phê năm 2016 trả, tuy nhiên đến hẹn bà M, ông P cũng không trả được số tiền gốc mà chỉ trả tiền lãi đến ngày 16/6/2016 âm lịch. Tiếp tục ngay ngày 16/6/2016 âm lịch (tức ngày 19/7/2016 dương lịch) ông P và M vay của bà H số tiền 500.000.000đ, không viết giấy tờ vay, thỏa thuận miệng vay trong thời hạn 03 tháng đến ngày 19/10/2017 trả, lãi suất 2%/ tháng, đến hạn trả nợ bà M ông P cũng không trả mà hẹn đến tháng 01/2017 trả; đến tháng 01/2017 cũng không trả được tiền gốc mà chỉ trả được tiền lãi đến ngày 25/01/2017 (tức ngày 28/12/2016 âm lịch). Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông P bà M trả đủ số tiền gốc đã vay, cả hai lần là 1.070.000.000đ và tiền lãi cụ thể như sau:

- Khoản vay lần một là 570.000.000đ tính lãi 14 tháng, với mức là 1%/ tháng, thành tiền là: 79.800.000đ.

- Khoản vay lần hai là 500.000.000đ tính lãi 08 tháng, với mức là 1%/ tháng, thành tiền là: 40.000.000đ.

Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì thêm. Về tài liệu chứng cứ bà H có cung cấp một USB trong đó có hai đoạn ghi hình và âm cuộc nói chuyện giữa bà H và ông P.

** Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị M và ông Võ Minh P trình bày:* Ông P và bà M thừa nhận có vay của bà Đặng Thị H hai lần cụ thể lần một vào ngày 16/6/2013 (âm lịch) với số tiền là 570.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, vay không thời hạn, đã trả lãi đến ngày 16/6/2016 (âm lịch). Lần thứ hai vay 500.000.000đ vào ngày 16/6/2016 (âm lịch), lãi 6%/ tháng; đã trả lãi đến ngày 28/12/2016 (âm lịch). Với yêu cầu của bà H thì bà M và ông P đồng ý trả số tiền gốc đã vay nhưng do hiện nay rất khó khăn nên yêu cầu được trả dần hàng tháng, về số tiền lãi suất không đồng ý trả do không còn khả năng.

Ngoài ra, phía các bị đơn bà M ông P không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án, không có đơn yêu cầu phản tố.

** Trong quá trình thụ lý vụ án người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Đức T trình bày:* Mỗi quan hệ giữa ông với bà Đặng Thị H là vợ chồng; thông qua việc làm ăn buôn bán nên bà H và ông T có quen biết với vợ chồng ông P bà M; vào khoảng năm 2014 bà H có cho ông P bà M vay 570.000.000đ, có lãi với mức 3%/ tháng; năm 2016 bà H lại tiếp tục cho bà M ông P vay 500.000.000đ, vay trong thời hạn 03 tháng, mức lãi 2%/ tháng; nguồn tiền cho ông P bà M vay là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà H, tuy nhiên ông T đồng ý với yêu cầu của bà H là yêu cầu ông P bà M trả số tiền đã vay cho bà H, không yêu cầu liên đới trả cho cả ông T. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

** Những nội dung các bên không thừa nhận:*

Nguyên đơn bà H cho rằng khoản vay 500.00.000đ, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng; phía các bị đơn cho rằng bà H tính với mức là 6%/ tháng.

*** Đại diện Viện kiểm sát huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P bà M liên đới trả cho bà H số tiền đã vay 1.070.000.000đ và tiền lãi 119.800.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H yêu cầu bà M ông P trả số tiền gốc đã vay 1.070.000.000đồng, việc này cả nguyên đơn và các bị đơn đều thừa nhận; hợp đồng vay T sản được xác lập vào năm 2013 và năm 2016. Do đó, căn cứ vào điều 474 BLDS năm 2005 có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Về lãi: Đối với khoản vay 570.000.000đ tại thời điểm cho vay năm 2013, thỏa thuận vay không thời hạn, tuy nhiên đến năm 2015 bà H yêu cầu bà M, ông P trả thì bà M ông P hứa đến mùa cà phê năm 2016, đến hạn ông P bà M cũng không thực hiện được việc trả nợ; hai bên thống nhất đã trả lãi đến ngày 19/7/2016; về mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/ tháng. Nay bà H yêu cầu tính lãi là 14 tháng, với mức 1%/ tháng. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 476 quy định: “ *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H, cụ thể: $570.000.000đ \times 1\% \times 14 \text{ tháng} = 79.800.000đ$.

Đối với khoản vay 500.000.000đ, thỏa thuận vay có thời hạn, có lãi, tuy nhiên phía bà H cho rằng mức lãi là 2%, bà M ông P cho rằng 6%, hai bên có sự tranh chấp về lãi. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 476 quy định: “ *Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”. Do đó, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu này của bà H, cụ thể: $500.000.000đ \times 0,75\% \times 08 \text{ tháng} = 30.000.000đ$.

Người có quyền lợi liên quan ông T không yêu cầu gì nên không đặt ra.

[2] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí theo luật định. Phần yêu cầu không được chấp nhận nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc các bị đơn ông Võ Minh P và bà Bùi Thị M liên đới trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị H số tiền gốc là 1.070.000.000đ và tiền lãi là 109.800.000đ. Tổng cộng là 1.179.800.000đ (Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng).

[2] Về án phí: Buộc các bị đơn ông Võ Minh P và bà Bùi Thị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.596.000đ. Bà Đặng Thị H nộp 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp trước là 23.175.000đ; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Đặng Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 22.675.000đ theo biên lai thu tiền số 000428 ngày 03 tháng 7 năm 2017.

[3] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/10/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thùy Linh